TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18-8-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ánh Nhạn

2. Ông Thái Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 204/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị C, sinh năm: 2001

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thị xã Tr, tỉnh Tn;

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Tấn A, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp PB, xã P, huyện G, tỉnh Tn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Ngô Thị M, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thị xã Tr, tỉnh Tn.

2. Bà Vương Thị Gi, sinh năm 1969

Địa chỉ: Ấp PB, xã P, huyện G, tỉnh Tn.

3. Ông Ngô Văn N, sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, thị xã Tr, tỉnh Tn.

Tất cả các đương sự đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15-3-2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Ngô Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tấn Achung sống với nhau từ tháng 5-2021, có qua tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P.

Sau khi kết hôn, mẹ chồng chị có xây cho vợ chồng 01 căn nhà tại ấp P B, xã P, huyện G, tỉnh Tn để sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 12-2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tấn A có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ khi chị phát hiện ra anh Tấn A ngoại tình thì vợ chồng thường xuyên cải nhau nên anh Tấn A bỏ nhà đi để sống chung với người phụ nữ đó. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 11-3-2022 đến nay. Anh Tấn A đã không còn tôn trọng quan hệ hôn nhân của vợ chồng và tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh Tấn A.

Về nuôi con: Chị và anh Tấn A chung sống không có con chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh Tấn A chung sống có tài sản chung gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Kawasaki Z1000 chưa sang tên quyền sở hữu và số nữ trang có trọng lượng 02 lượng vàng 18K. Xe và vàng hiện nay anh Tấn A đã bán. Theo anh Tấn A vàng bán được số tiền 55.000.000 đồng. Còn giá xe lúc mua là 225.000.000 đồng, nhưng theo giá mới hỏi thì chỉ còn 165.000.000 đồng. Chị thống nhất với mức giá này và không yêu cầu định giá. Chị yêu cầu chia đôi giá trị tài sản và yêu cầu anh Tấn A giao lại cho chị số tiền 110.000.000 đồng.

Đối với 01 chiếc xe Wave mua trước khi chị và anh Tấn A kết hôn, chị xác định đây tài sản riêng của anh Tấn A nên chị không yêu cầu chia.

Về nợ chung: Chị và anh Tấn A có nợ cha ruột chị - ông Ngô Văn N số tiền 15.000.000 đồng; nợ cô ruột chị - chị Ngô Thị M số tiền 30.000.000 đồng; nợ mẹ chồng chị – bà Vương Thị Gi số tiền 25.000.000 đồng, do vợ chồng mượn vào năm 2021 để làm vốn buôn bán. Chị không yêu cầu giải quyết để gia đình tự thỏa thuận. Ngoài ra, chị và anh Tấn A không còn nợ chung nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05-5-2022, bị đơn anh Nguyễn Tấn A trình bày:

Về hôn nhân: Quá trình chung sống và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị C trình bày là đúng. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C.

Về nuôi con: Anh và chị C chung sống không có con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chung sống chỉ có tài sản chung là 01 chiếc xe mô tô hiệu Kawasaki Z1000. Giá trị xe là 165.000.000 đồng. Còn xe Wave là tài sản riêng của anh mua trước khi cưới chị C và số nữ trang có trọng lượng 02 lượng vàng 18K là tiền anh bỏ ra mua cho chị C nhưng anh đã bán được số tiền 55.000.000 đồng. Anh đồng ý chia đôi giá trị xe mô tô, còn xe Wave và 02 lượng vàng 18K là tài sản riêng của anh nên anh không đồng ý chia.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ ông út Bé ở xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu (không biết rõ họ tên) số tiền 100.000.000 đồng; nợ chị Bầu ở ấp

Phước Đức B, xã Phước Đông (không biết rõ họ tên) số tiền 100.000.000 đồng; anh Ký ở ấp Phước Đức B, xã Phước Đông số tiền 30.000.000 đồng; ông 3 Cò ở xã Phước Thạnh, huyện Gò Dầu (không biết rõ họ tên) số tiền 30.000.000 đồng; nợ cha vợ anh là ông Ngô Văn N số tiền 15.000.000 đồng; nợ chị Ngô Thị M số tiền 30.000.000 đồng; nợ mẹ ruột anh là bà Vương Thị Gi số tiền 25.000.000 đồng. Do vợ chồng mượn để cùng nhau làm ăn. Anh đồng ý nhận chiếc xe mô tô và trả hết nợ, riêng tiền nợ của cha vợ thì chị C trả, còn nợ của chị M thì anh đồng ý chia đôi để trả. Nếu chị C không đồng ý thì yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh Tấn A;

Về con chung: Anh chị khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị C. Buộc anh Tấn A có trách nhiệm giao lại cho chị C ½ giá trị tài sản chung là số tiền 110.000.000 đồng.

Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ngô Thị C và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn N, chị Ngô Thị M, bà Vương Thị Gi có đơn xin vắng mặt, còn bị đơn anh Nguyễn Tấn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Ngô Thị C và anh Nguyễn Tấn A là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị C thì nguyên nhân là do anh Tấn A ngoại tình với người phụ nữ khác. Anh Tấn A cũng đã thừa nhận mâu thuẫn như chị C trình bày là đúng và anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận ý kiến của anh Tấn A và chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con*: Anh chị khai không có con chung, không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:*

[4.1] Chị C và anh Tấn A thừa nhận có tài sản chung là 01 chiếc xe mô tô hiệu Kawasaki Z1000 biển kiểm soát mang số 63A1-004.66 mua lại của Siêu thị mô tô, xe máy Phương Nam 79 Mô Tô vào ngày 07-01-2022 với giá 225.000.000 đồng (chưa làm thủ tục sang tên). Chị C và anh Tấn A thống nhất giá trị xe còn lại là 165.000.000 đồng và không yêu cầu định giá.

Theo chị C, hiện xe anh Tấn A đã bán lại cho người khác nhưng thông tin người mua và giá trị xe bán được là bao nhiêu thì chị không cung cấp được do từ khi ly thân, xe mô tô do anh Tấn A quản lý và anh chị cũng không còn sống chung với nhau. Tòa án đã triệu tập anh Tấn A để thu thập chứng cứ đối với xe mô tô hiệu Kawasaki Z1000, tham gia hòa giải và xét xử nhưng anh Tấn A không có mặt theo triệu tập của Tòa án và cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với nội dung Tòa án cần thu thập chứng cứ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào giá trị xe môt tô mà chị C và anh Tấn A đã thống nhất là 165.000.000 đồng để làm căn cứ giải quyết. Chị C yêu cầu chia đôi giá trị xe và anh Tấn A cũng đồng ý theo yêu cầu của chị C nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình. Giao anh Tấn A được quyền sở hữu xe mô tô hiệu Kawasaki Z1000 và có trách nhiệm giao lại cho chị C ½ giá trị xe là 82.500.000 đồng.

[4.2] Ngoài ra, chị C còn yêu cầu chia đôi số tiền mà anh Tấn A đã bán số nữ trang có trọng lượng 02 lượng vàng 18K là 55.000.000 đồng nhưng anh Tấn A không đồng ý.

Qua thu thập chứng cứ, anh Tấn A thừa nhận số nữ trang trên là anh mua cho chị C từ tiền riêng của anh. Từ đó có căn cứ xác định số nữ trang có trọng lượng 02 lượng vàng 18K là tài sản riêng của chị C, tuy nhiên chị C đồng ý sáp nhập vào khối tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Chị C yêu cầu chia đôi số tiền bán vàng là 55.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh Tấn A có trách nhiệm giao lại cho chị C ½ giá trị tài sản đã bán là 27.500.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] Đối với tài sản là 01 chiếc xe Wave, chị C và anh Tấn A đều xác định là tài sản riêng của anh Tấn A và chị C không tiếp tục yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Chị C và anh Tấn A thừa nhận có nợ của ông Ngô Văn N số tiền 15.000.000 đồng; nợ chị Ngô Thị M số tiền 30.000.000 đồng; nợ bà Vương Thị Gi số tiền 25.000.000 đồng. Nhưng ông N, chị M và bà Gi không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết, các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra, theo anh Tấn A thì anh và chị C còn nợ của ông út Bé ở xã Truông Mít, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh số tiền 100.000.000 đồng; nợ chị Bầu ở ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh số

tiền 100.000.000 đồng; anh Ký ở ấp Phước Đức B, xã Phước Đông, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh số tiền 30.000.000 đồng; ông 3 Cò ở xã Phước Thạnh, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh Tấn A không cung cấp được thông tin về họ tên, địa chỉ của những người nói trên nên Tòa án không thể thu thập chứng cứ và triệu tập tham gia hòa giải cũng như phiên tòa xét xử. Mặt khác, chị C cũng không thừa nhận các khoản nợ này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Chị C và anh Tấn A phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 26 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56 và 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị C đối với anh Nguyễn Tấn A. Chị Ngô Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Tấn A.

2. Về nuôi con: Anh chị khai không có và không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Giao anh Tấn A được quyền sở hữu 01 xe mô tô hiệu Kawasaki Z1000 biển kiểm soát mang số 63A1-004.66, số máy: 068380, số khung: 005095.

Anh Tấn A có trách nhiệm giao lại cho chị Cẩm tổng số tiền 110.000.000 *(Một trăm mười triệu)* đồng.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị C phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn và 4.125.000 *(Bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng án phí chia tài sản. Được khấu trừ vào số tiền 3.737.500 *(Ba triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm)* đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024236 ngày 18-4-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị C còn phải nộp tiếp số tiền 687.500 *(Sáu trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm)* đồng.

Anh Tấn A phải chịu 4.125.000 *(Bốn triệu một trăm hai mươi lăm nghìn)* đồng án phí chia tài sản và 1.375.000 *(Một triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯƠNG